

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 24-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quyết Tiến

2. Bà Đào Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 05/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 10/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Giàng Chúa V; sinh năm 1989 tại huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi tạm trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Sính L, sinh năm 1964 và bà Giàng Thị P, sinh năm 1964; có vợ là Thào Thị V, sinh năm 1998; có 04 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 22/12/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Thò Chứ L1, sinh năm 1991 tại huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thò S, sinh năm 1972 và bà Ly Thị M, sinh năm 1971; có vợ là Mua Thị L2, sinh năm 1995; có 04 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 22/12/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- **Người bào chữa cho các bị cáo:** Bà Trần Thị Phương N, sinh năm 1983
- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Chị Giàng Thị S, sinh năm 2001; có mặt.
2. Anh Vừ Mí C, sinh năm 1994; vắng mặt.
3. Anh Hầu Mí T, sinh năm 1998; vắng mặt.

- **Người phiên dịch tiếng Mông:** Anh Sùng Mí M1, địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Giàng Chúa V, sinh năm 1989, trú tại: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang đi Trung Quốc làm thuê cho chủ thuê lao động người Trung Quốc tên là V2 (*Không xác định được địa chỉ cụ thể*), công việc là trồng cây, bón phân, phát cỏ, tiền công lao động 70CNY/01 ngày (*Bảy mươi nhân dân tệ*). Ngày 24/12/2014 (*âm lịch*), V về Việt Nam ăn Tết, trước khi về V2 bảo Giàng Chúa V về Việt Nam ăn tết xong thì tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho V2, đi đến biên giới V2 sẽ cho ứng trước tiền công lao động 1000CNY/1 người (*Một nghìn nhân dân tệ*). Nếu tìm được người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho V2 thì V2 sẽ trả tiền công tìm người cho Giàng Chúa V và 300CNY/1 người (*Ba trăm nhân dân tệ*), tiền xe ôm mà người đi làm thuê đi đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc thì V2 sẽ trả cho 1.000.000^d/1 người (*Một triệu đồng*), Giàng Chúa V đồng ý.

Khoảng tháng 02/2015 (*Sau tết Nguyên đán năm 2015*), Giàng Chúa V đến nhà Thò Chừ L1, sinh năm 1991, trú tại: thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang (*L3 là anh vợ của V*), rủ Thò Chừ L1 đi Trung Quốc làm thuê với công việc phát rừng, đào hố trồng cây, tiền công lao động 70CNY/01 người/01 ngày, chủ thuê lao động nuôi ăn, nếu đi thì khi đến biên giới sẽ được ứng trước tiền lao động là 1.000CNY, nhưng Thò Chừ L1 không đi. Giàng Chúa V bảo Thò Chừ L1 tìm người cho Giàng Chúa V đưa đi Trung Quốc làm thuê, nếu tìm được người thì Giàng Chúa V sẽ trả tiền công tìm người cho Thò Chừ L1 là 100CNY/01 người. Cũng khoảng thời gian này có Vừ Chừ S1, sinh năm 1993, trú tại: Thôn B, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang biết Giàng Chúa V tìm người đưa đi Trung Quốc làm thuê, S1 đến nhà V hỏi đề đi thì được V hẹn ngày nào đi thì sẽ gọi Vừ Chừ S1.

Đến khoảng tháng 5/2015, Vừ Chừ S1 giúp Vừ Vả S2 (*ở cùng thôn*) làm nương ngô có gặp Hầu Mí T, sinh năm 1998, trú tại: Thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Giàng Mí L4, sinh năm 1993, trú thôn :, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng (*L4 là anh rể của S1*) và rủ Hầu Mí T, Giàng Mí L4 đến nhà Vừ Chừ S1 chơi, ngủ tại nhà S1. Vừ Chừ S1 gọi điện thoại cho Giàng Chúa V hỏi được biết

vợ chồng Giàng Chúa V sáng hôm sau đi Trung Quốc làm thuê, Vừ Mí S1 hẹn Giàng Chúa V sáng hôm sau đi cùng, Giàng Chúa V đồng ý. Khoảng 06 giờ sáng ngày hôm sau (*tháng 5/2015*), Giàng Chúa V đi xe mô tô đến nhà Vừ Chứ S1 bảo Vừ Chứ S1 tự túc phương tiện để đi Trung Quốc làm thuê, hẹn tập trung tại ngã ba đường đi thôn B, gần UBND xã D, Y, Hà Giang để cùng đi. Sau khi thống nhất xong, Giàng Chúa V quay về nhà, đồng thời gọi điện thoại hỏi Thò Chứ L1 có tìm được người cho Giàng Chúa V không để đưa đi Trung Quốc làm thuê, quá trình nói chuyện với Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 bật loa ngoài nên Ly Thị M2 (*Cư trú cùng thôn*) đi qua nghe được, biết Thò Chứ L1 và Giàng Chúa V tìm người đi Trung Quốc làm thuê, Ly Thị M2 xin đi cùng và nói với Thò L1 là Giàng Thị S (*Người cùng thôn*) cũng muốn đi. Thò Chứ L1 đến nhà Giàng Thị S, rủ S đi Trung Quốc làm thuê gặp chị dâu của S là Ly Thị S5 và Ly Thị M3. Thò Chứ L1 nói đang tìm người cho Giàng Chúa V đưa đi Trung Quốc làm thuê, công việc là phát rừng, đào hố trồng cây, tiền công được 70CNY (*Bảy mươi nhân dân tệ*)/01 ngày/01 người, chủ thuê lao động nuôi ăn, nếu ai đi thì khi lên đến biên giới sẽ được ứng trước tiền lao động là 1.000CNY (*Một nghìn nhân dân tệ*), Giàng Thị S đồng ý đi Trung Quốc làm thuê. Sau khi Giàng Thị S đồng ý, Thò Chứ L1 đi về nhà, Ly Thị M2 cùng Giàng Thị S đến nhà Thò Chứ L1, L1 điện thoại báo cho Giàng Chúa V biết, bảo Giàng Chúa V đến nhà Thò Chứ L1 xem người. Sau đó Giàng Chúa V đến nhà Thò Chứ L1 gặp Ly Thị M2, Giàng Thị S, Giàng Chúa V bảo Thò Chứ L1 chở Ly Thị M2 và Giàng Thị S đến biên giới thì V sẽ trả tiền công 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*), do Thò Chứ L1 không có giấy phép lái xe mô tô nên không dám chở thì Giàng Chúa V bảo Thò Chứ L1 chở Ly Thị M2 và Giàng Thị S đến chợ xã D, Y, Hà Giang, Giàng Chúa V sẽ gọi xe ôm chở đi tiếp thì Thò Chứ L1 đồng ý. Sau đó Thò Chứ L1, sử dụng xe mô tô của mình chở Ly Thị M2 và Giàng Thị S đến khu vực cây xăng gần chợ xã D, Y, Hà Giang rồi cho Ly Thị M2, Giàng Thị S ở lại chờ xe ôm do Giàng Chúa V thuê rồi L1 quay về. Giàng Chúa V gọi điện thoại cho Giàng Mí K, sinh năm 1991, trú tại: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang và Giàng Mí G, sinh năm 1993, trú tại: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang đến chợ xã D, huyện Y, Hà Giang chở Ly Thị M2 và Giàng Thị S đưa đến huyện M để đi làm thuê, và sẽ trả cho mỗi người 1.000.000^d (*Một triệu đồng*), K và G đồng ý. Giàng Chúa V quay về nhà đón Vừ Mí T2 trú tại: Thôn P, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang để đưa đi Trung Quốc. Sau khi được Giàng Chúa V hẹn tập trung tại ngã ba đường đi thôn B, gần UBND xã D, Y, Hà Giang để đi, Vừ C sử dụng xe mô tô của mình chở Vừ Mí C (*C là em trai ruột của S1*), trú tại: Thôn B, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Giàng Mí L4 sử dụng xe mô tô của mình chở Hầu Mí T xuất phát từ nhà Vừ Chứ S1 đi đến ngã ba đường đi lên thôn B, gần UBND xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhưng không thấy Giàng Chúa V nên đi trước, khi đi đến thôn B, xã L, huyện Y, Hà Giang thì Giàng Chúa V chở Giàng Mí T3 đi sau đuổi kịp (*Tua em trai của Giàng Chúa V đến nay chưa về địa phương*), tất cả cùng nhau đi qua địa phận xã M, huyện Y. Khi đến huyện M, Giàng Chúa V điện thoại thông báo cho chủ thuê lao động người Trung Quốc biết Giàng Chúa V đang đưa 05 người đi Trung Quốc làm thuê cho V2, bảo V2 chuẩn bị xe đón

tại biên giới. Khi gần đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang, tất cả xuống xe sau đó Giàng Chúa V dẫn 05 người, gồm: Vừ Mí C, Giàng Mí T3, Hầu Mí T, Ly Thị M2, Giàng Thị S đi bộ qua biên giới giao cho V2, V2 đưa cho V 6500CNY (*Sáu nghìn năm trăm nhân dân tệ*), trong đó có 5000CNY (*Năm nghìn nhân dân tệ*) là tiền cho 05 người đi Trung Quốc làm thuê ứng trước mỗi người 1000CNY (*Một nghìn nhân dân tệ*), 1500CNY (*Một nghìn năm trăm nhân dân tệ*) là tiền công của 05 người “xe ôm”, mỗi người 300CNY (*Ba trăm nhân dân tệ*), tương đương 1.000.000^d (*Một triệu đồng*). Sau khi trả tiền xong, V2 đưa 05 người đi sâu vào nội địa Trung Quốc, còn Giàng Chúa V cùng Vừ Chứ S1, Giàng Mí K, Giàng Mí G, Giàng Mí L4 quay về, khi về đến thị trấn M, huyện M, G V 1500CNY (*Một nghìn năm trăm nhân dân tệ*) ra tiền Việt được 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*), đưa cho Vừ Chứ S1, Giàng Mí K, Giàng Mí G, Giàng Mí L4 mỗi người 1.000.000^d (*Một triệu đồng*) tiền xe ôm, còn lại 1.000.000^d (*Một triệu đồng*) là tiền công chở người của Giàng Chúa V; đưa cho Vừ Chứ S1 2.000CNY (*Hai nghìn nhân dân tệ*) tiền công lao động ứng trước của Hầu Mí T và Vừ Mí C để Vừ Chứ S1 cầm về đưa cho gia đình của Hầu Mí T, hôm sau Vừ Chứ Sò đến nhà Hầu Mí T đưa 1000CNY cho bố của Hầu Mí T tên Hầu Chá M4 (*Hầu Chá M4 đã chết năm 2020*). Khoảng một tuần sau, Giàng Chúa V đưa cho gia đình Giàng Thị S, Ly Thị M2, mỗi gia đình 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*), tương đương 1000CNY tiền công lao động ứng trước của Ly Thị M2 và Giàng Thị S. Số người đi lao động là Vừ Mí C, Giàng Mí T3, Hầu Mí T, Ly Thị M2, Giàng Thị S làm thuê cho ông chủ Trung Quốc tên V2 được khoảng 15 ngày thì Vừ Mí C, Giàng Mí T3, Hầu Mí T rủ nhau bỏ trốn về Việt Nam (*quá trình bỏ trốn C và T đi cùng nhau nên đã về Việt Nam, T3 tự đi đến nay chưa có mặt tại địa phương*). Còn Ly Thị M2 và Giàng Thị S ở lại làm thuê được một thời gian thì Ly Thị M2 quay về Việt Nam, Giàng Thị S ở lại làm thuê khoảng 03 năm rồi lấy chồng người Trung Quốc và ở lại Trung Quốc. Đến tháng 01/2023 Công an Trung Quốc kiểm tra hành chính phát hiện Giàng Thị S cư trú bất hợp pháp đã bắt giam 02 tháng, đến tháng 3/2023 Giàng Thị S được trao trả về Việt Nam.

Cáo trạng số 05/CT- VKSHG-P1 ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 đã khai và thừa nhận toàn bộ diễn biến, hành vi tổ chức cho 05 người Việt Nam trốn sang Trung Quốc để làm thuê cho người Trung Quốc như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố; sau khi bị cáo V đưa 05 người sang Trung Quốc bị cáo V được ông V2 người Trung Quốc trả cho 1.000.000 đồng tiền chở T2, sau đó V đã đưa cho bị cáo L1 500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng bị cáo giữ lại chi tiêu cá nhân. Số tiền công tìm người theo hứa hẹn của ông V2 sẽ trả cho V 300NDT/1 người thì V chưa được nhận, lý do ông V2 chưa trả là khi 05 người sang Trung Quốc làm thuê thì có 04 người đã trốn về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu luận tội, giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội; hậu quả của tội phạm; vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Giàng Chúa V V, Thò Chứ L1 phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Giàng Chúa V từ 02 năm đến 03 năm tù;

- Xử phạt bị cáo Thò Chứ L1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo V, L1 bị tạm giam ngày 22/12/2023.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng đối với các bị cáo, trong đó: Bị cáo Giàng Chúa V số tiền 500.000 đồng, Thò Chứ L1 số tiền 500.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo

Trong phần tranh luận, bà Trần Thị Phương N - Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Nhất trí cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối với các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; nhất trí đề nghị áp dụng các điều luật về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; hiện nay đã có 4/5 công dân trốn sang Trung Quốc làm thuê đã trở về Việt Nam, sức khoẻ đều tốt. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo V từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, bị cáo L1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến bổ sung và tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đã nhận thức được hành vi sai trái, vi phạm pháp luật của mình, kính mong HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đều thực hiện

đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo nên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt 02 người làm chứng, sau khi có ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa; HĐXX thảo luận, xét thấy người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án, căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 đều khai và thừa nhận toàn bộ hành vi tổ chức cho 05 công dân Việt Nam vượt biên trái phép sang Trung Quốc để làm thuê. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố không mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. **Có đủ cơ sở kết luận:** Thời gian khoảng tháng 5 năm 2015, bị cáo Thò Chứ L1 đã tìm được 02 công dân là Giàng Thị S và Ly Thị M2 (*trú tại thôn K, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang*) giao cho bị cáo Giàng Chúa V để V đưa 02 người đi Trung Quốc lao động làm thuê, L1 được V trả tiền công số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Ngoài hai công dân nhận từ Thò Chứ L1, bị cáo Giàng Chúa V còn tìm và đưa thêm 03 công dân là Vừ Mí C, Hầu Mí T và Vừ Mí T2, trú tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang, bị cáo V đã dẫn 05 người đi lên biên giới địa phận xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang để vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê cho ông V2 (*Người Trung Quốc, không rõ địa chỉ*) để được hưởng tiền công tìm người, V đã được ông V2 trả tiền công chở T2 số tiền 1.000.000 đồng; V đưa cho L1 số tiền 500.000 đồng, tiền công tìm người, V được hưởng lợi số tiền 500.000 đồng.

[4] Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật; song với động cơ, mục đích vụ lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật; bị cáo L1 cùng với bị cáo V rủ rê, lôi kéo và tổ chức cho 02 công dân Việt Nam trốn đi nước ngoài; ngoài ra bị cáo V còn rủ rê, lôi kéo, tổ chức thêm cho 03 công dân Việt Nam trốn đi nước ngoài. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính của nhà nước về lĩnh vực xuất, nhập cảnh, quyền tự do cư trú của công dân, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Hành vi của các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 đã phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “*Người nào tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 91 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm*”. Tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “*Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc*

ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”. Căn cứ Nghị Quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về việc thi hành Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi phạm tội của các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 được xem xét theo hướng có lợi khi quyết định hình phạt nên cần áp dụng các Điều luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Do đó hành vi của các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 đã phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015; có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Tuy các bị cáo không phải là những người khởi sự, chủ mưu, nhưng khi bị cáo V được người Trung Quốc tên V2 đặt vấn đề về Việt Nam tìm người để đưa sang Trung Quốc làm thuê, V đã đồng ý. V chủ động gọi điện thoại cho L1 tìm người, cùng với L1 tổ chức cho 02 người, đồng thời V tự tìm được thêm 03 người tổng số là 05 người, V đã thuê lái xe ôm chở 04 người, V tự chở 01 người lên biên giới để tổ chức đưa 05 người trốn sang Trung Quốc; do đó bị cáo V được xác định là người thực hành tích cực và có vai trò cao nhất. Bị cáo L1 giúp sức cho V tìm được 02 người, sử dụng xe máy chở 02 người đến khu vực cây xăng gần chợ xã D, huyện Y để V thuê xe chở lên biên giới được thuận lợi, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với bị cáo V trong việc tổ chức cho 02 người trốn sang Trung Quốc. HĐXX áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, thuộc diện hộ nghèo nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[9] Về hình phạt chính: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, HĐXX áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tù có thời hạn và quyết định hình phạt, xét xử các bị cáo mức án đủ nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này tại địa phương.

[10] Về Biện pháp tư pháp: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội được hưởng lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng; trong đó bị cáo L1 được hưởng lợi số tiền 500.000 đồng, bị cáo V được hưởng lợi số tiền 500.000 đồng; cần áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên truy thu số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về vật chứng trong vụ án: Đối với chiếc xe máy bị cáo L1 sử dụng để chở S và M2 đến cây xăng, chiếc xe máy bị cáo V chở T2 đi lên biên giới để đưa T2 sang Trung Quốc; các bị cáo đã bán cho người khác không rõ địa chỉ; 02 chiếc điện thoại di động các bị cáo V, L1 sử dụng liên lạc với nhau để tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, hiện nay điện thoại đã hỏng và các bị cáo đã làm mất, Cơ quan ANĐT không thu giữ được, nên HĐXX không đề cập đến.

[12] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[13] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chừ L1 về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội; phát biểu luận tội và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt, biện pháp tư pháp, án phí đối với các bị cáo là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[14] Quan điểm đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Chúa V từ 02 năm đến 2 năm 06 tháng tù là còn nhẹ chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi bị cáo V đã thực hiện, nên không được HĐXX chấp nhận.

[15] Trong vụ án này còn có một số các đối tượng liên quan, cụ thể:

[16] Đối tượng tên V2 (Người Trung Quốc) giữ vai trò chủ mưu, do bị cáo Giàng Chúa V chỉ biết tên mà không biết họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể của V2. Do vậy Cơ quan An ninh điều tra không có đủ thông tin, điều kiện để xác minh, làm rõ cũng như có hình thức xử lý đối với V2 là có căn cứ.

[17] Đối với Vừ Chừ S1, Giàng Mí K, Giàng Mí G, Giàng Mí L4 là những người cùng các bị cáo và người lao động lên biên giới đều là người thân quen với các bị cáo, người lao động nên đã nhận lời chở thuê để được hưởng tiền công. Quá trình điều tra, xác định những người này không được trao đổi, thống nhất nội dung gì với các bị cáo và người lao động về việc tổ chức đưa người đi Trung Quốc, không biết những người mình chở đi lên biên giới để sang Trung Quốc làm thuê có làm thủ tục giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định hay không, vì vậy Cơ quan ANĐT không xử lý là có căn cứ.

[18] Đối với 05 công dân do Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 đưa đi Trung Quốc làm thuê, hiện nay đã có 04 công dân trở về Việt Nam, riêng Giàng Mí T2 đến nay vẫn chưa trở về, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang đã phối hợp với phòng Tham mưu Công an tỉnh Hà Giang, xây dựng hàm thư phối hợp với Trung Quốc đề nghị xác minh, truy tìm đối với Giàng Mí T2. Còn 04 công dân trở về đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên cơ quan điều tra không xem xét đề nghị xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[19] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 1, Nghị Quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về việc thi hành Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, điểm b, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 260, 299, 136, 329, 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1 phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Giàng Chúa V **3 (Ba)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/12/2023.

- Xử phạt bị cáo Thò Chứ L1 **15 (Mười lăm)** tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/12/2023.

3. Biện pháp tư pháp: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng các bị cáo thu lợi bất chính do phạm tội mà có, cụ thể:

- Truy thu của bị cáo Giàng Chúa V số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*);

- Truy thu của bị cáo Thò Chứ L1 số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Giàng Chúa V, Thò Chứ L1.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC02, PV06, PV09 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Loan